

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/DS-PT

Ngày: 25/01/2024

V/v Quyền sử dụng đất, yêu cầu
bồi thường thiệt hại tài sản và
sức khỏe

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh
Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và sức khỏe”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1060/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim C, sinh năm 1962 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Kim T1, sinh Năm 1964

2. Chị Nguyễn Kim X, sinh Năm 1986

3. Anh Nguyễn Việt T2, sinh Năm 1991

4. Anh Nguyễn Thanh T3, sinh Năm 1993

Cùng địa chỉ: Ấp B, Xã T, Huyện C, Tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, chị X, anh Việt T4, anh Thanh T5: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Bùi Văn K, sinh Năm 1937 (Vắng mặt).

6. Chị Bùi Thị Thu N, sinh Năm 1991 (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị T6, sinh Năm 1957 (Vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị T7, sinh Năm 1976 (Vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị Kim C1, sinh Năm 1980 (Vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Kim H1, sinh Năm 1977 (Vắng mặt).

11. Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh Năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, Xã T, Huyện C, Tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Hoàng P trình bày: Bà Trần Kim C là người quản lý sử dụng ổn định từ năm 1995 phần đất diện tích khoảng 127 m² (ngang 6,5 m x dài 19,5 m), phần đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Thửa đất này có số thửa theo Vlap là 377, tờ bản đồ 20, diện tích 118,4 m². Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Tuyết . Năm 2010 ông Lê c.

Trên phần đất nêu trên thì bà C có xây căn nhà để ở từ năm 1995 đến nay và tiến hành cắm mốc ranh giới với thửa đất liền kề là thửa 1679 do ông H đại diện hộ đứng tên. Năm 2011 bà cũng đã làm hàng rào sắt phân định ranh giới đất và bảo vệ nhà mình. Khi bà C cắm mốc ranh giới và làm hàng rào đến nay không có tranh chấp gì.

Ngoài ra phía dưới phần đất giáp ranh giữa đất của bà và đất của ông H, bà C có xây đường ống nước thải và sử dụng từ năm 2000 đến nay, phía ông H biết và không có ý kiến gì. Tuy nhiên ngày 10/6/2019 ông H tiến hành tháo dỡ hàng rào của bà C và cho rằng phần đất ngang 0,5 m, dài 19,5 m là thuộc quyền sử dụng của ông, đồng thời ông tháo dỡ đường ống nước của bà C gây ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của gia đình bà C nên các bên phát sinh tranh chấp. Việc ông H thuê người đập phá hàng rào và tháo dỡ ống nước gây thiệt hại nặng nề đến căn nhà của bà C, mức thiệt hại là 70.000.000 đồng. Ngoài ra tại thời điểm đó ông H còn hành hung bà C làm cho bà C bị thương gây tổn thương sức

khỏe của bà C, bà C phải điều trị tại bệnh viện X1 tổng chi phí là 3.700.689 đồng.

Phần đất qua đo đạc thực tế theo sự chỉ ranh của bà C là 120,3 m² (trong đó phần tranh chấp là 12,4 m²)

Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 120,3 m² cho bà C vì bà C đã sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay. Phía nguyên đơn yêu cầu ông H và các thành viên hộ ông phải tháo dỡ hàng rào, mái che trả lại phần diện tích lấn chiếm qua đo đạc thực tế là 12,4 m². Phía nguyên đơn yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại về tài sản là 70.000.000 đồng, bồi thường về sức khỏe là 3.700.689 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn phía ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông H có thửa đất 1679 và 1465 do ông H đại diện hộ đứng tên QSDĐ được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 26/12/2003, ông H đã sử dụng ổn định hai thửa đất này từ năm 2003 đến nay, trong thời gian sử dụng ông H có chừa một khoảng đất trống giáp ranh với bà C để làm đường thoát nước mưa, phần đất trống này thuộc quyền sử dụng của ông H. Ngày 18/9/2014 phía bà C sửa chữa lại nhà xây lấn qua phần đất thoát nước của ông với chiều ngang 0,5 m, dài 19m. Gia đình ông H ngăn cản. Đến ngày 14/12/2018 phía bà C tiếp tục làm hàng rào hết phần đường nước còn lại của gia đình ông H. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

Việc bà C cho rằng ông H đập phá hàng rào, tháo dỡ ống nước và gây thương tích cho bà là hoàn toàn không đúng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông H không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 212/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 26, 35, 227, 228, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 166, 175, 176, 589, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 170, 203 của luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 120,3 m² cho bà C.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải tháo dỡ hàng rào và mái che trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 12,4 m².

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh H bồi thường thiệt hại về tài sản là 70.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh H bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 3.700.689 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/9/2023, nguyên đơn Trần Kim C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim C: Tòa sơ thẩm xử là có căn cứ pháp luật. Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim C, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và sức khỏe” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 6, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Trần Kim C nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bà Trần Kim C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà C theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo bà C, năm 1995 vợ chồng bà mua của ông L và bà T6 phần đất có diện tích 127m² (ngang khoảng 6,5m, dài 19,5m) tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, chưa đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ V là thửa 377, tờ bản đồ 20, diện tích $118,4\text{m}^2$. Vợ chồng bà đã cất nhà ở, phần đất này giáp ranh với đất ông H. Năm 2011 bà làm hàng rào sắt, dưới phần đất giáp ranh với đất ông H bà có làm đường ống xả nước từ năm 2000. Ngày 10/6/2019 ông H tháo dỡ hàng rào ngang $0,5\text{m}$, dài $19,5\text{m}$ và tháo luôn đường ống xả nước của bà. Bà C kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà C diện tích $120,3\text{m}^2$; Buộc ông H và các thành viên trong hộ tháo dỡ hàng rào, mái che trả lại cho bà phần đất có diện tích $12,4\text{m}^2$; Buộc ông H bồi thường cho bà tiền thiệt hại tài sản là 73.700.000 đồng và tiền thiệt hại sức khỏe là 3.700.689 đồng.

Ông H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C vì ông đã xây dựng hàng rào, mái che trên phần đất của ông, không có lấn chiếm đất của bà C.

Tòa sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, bà C không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

[3] Nhận thấy, theo các giấy sang nhượng đất do bà Trần Kim C cung cấp thể hiện: Bà Trần Kim C và chồng là ông Bùi Văn T8 có chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Tuyết p đất tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang như sau: Theo giấy sang nhượng ngày 29/10/1995 phần đất ngang 6m , dài 12m ; giấy sang nhượng ngày 15/11/1997 sang nhượng thêm phía sau ngang 5m , dài 5m ; giấy sang nhượng ngày 29/11/2000 sang thêm phía góc nhà giáp đường đi ngang 7 tắc dài 6m .

Như vậy phần đất bà C sang nhượng phần giáp đường đi có chiều ngang $6,7\text{m}$, chiều ngang phía sau là 5m , chiều dài là 17m .

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh H sang nhượng của ông Nguyễn Văn L vào năm 2003. Ngày 26/12/2003 ông Nguyễn Thanh H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền thửa 1679 diện tích 272m^2 và thửa 1465 diện tích 292m^2 , hai thửa này liền kề nhau nhưng do nhận chuyển nhượng hai lần nên tách thành hai thửa, có tổng diện tích là 564m^2 .

[4] Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/5/2020 thể hiện:

Đất của bà C phần không tranh chấp ở vị trí T1 diện tích $107,9\text{m}^2$ và T8 có diện tích $20,9\text{m}^2$, có chiều ngang giáp đường nhựa là $6,67\text{m}$, giáp lề đường là $6,39\text{m}$, chiều ngang cạnh phía sau là $5,18\text{m}$, chiều dài giáp Nguyễn Chí T9 là $23,18\text{m}$, chiều dài giáp đất ông H là $21,43\text{m}$, (chưa tính phần đất tranh chấp). Như vậy, chiều ngang cạnh giáp đường đi của bà C chỉ thiếu $0,03\text{m}$, chiều ngang cạnh phía sau dư $0,18\text{m}$, chiều dài cạnh giáp ông T9 dư $4,18\text{m}$, chiều dài cạnh giáp ông H dư $2,43\text{m}$. Phần đất có vị trí T8 là lề đường có diện tích là $20,9\text{m}^2$ cộng với phần đất ở vị trí T1 có diện tích là $107,9\text{m}^2$ thì đất của bà C có tổng

diện tích là $128,8\text{m}^2$ (không tính phần diện tích đất tranh chấp). Nếu cộng luôn phần đất tranh chấp ở vị trí T2 (có chiều ngang 1,02m, thì chiều ngang đất bà C sẽ là 7,69), diện tích $9,1\text{m}^2$ và T3 có diện tích $3,3\text{m}^2$ thì phần đất bà C sẽ có diện tích là $141,2\text{m}^2$, dư $14,2\text{m}^2$.

Đất của ông H ở vị trí T4,T5,T6,T7 (không tranh chấp) có diện tích là 503m^2 ; Vị trí T9 và T10 là lề đường $31,3\text{m}^2$; Vị trí đất tranh chấp T2 và T3 là $12,4\text{m}^2$. Tổng cộng là $547,1\text{m}^2$, thiếu $16,9\text{m}^2$ (tính luôn phần đất tranh chấp).

Do đó, việc bà C kiện cho rằng ông H lấn chiếm phần đất của bà có diện tích $12,4\text{m}^2$ là không có căn cứ.

Đối với việc bà C yêu cầu công nhận phần đất $120,3\text{m}^2$ (trong đó có phần đất bà mua của vợ chồng ông L ở vị trí T1 có diện tích $107,9\text{m}^2$ mà bà đã cất nhà ở, không có tranh chấp với ông H). Xét thấy, phần đất $107,9\text{m}^2$ này bà C mua của vợ chồng ông Lê b lần vào những năm 1995, 1997, 2000 như đến nay bà C vẫn chưa làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này bà kiện ông H về việc ông H lấn ranh, ông H không có chuyển nhượng đất cho bà nên bà yêu cầu công nhận phần diện tích $107,9\text{m}^2$ này cho bà là không có căn cứ pháp luật.

[5] Xét việc bà C yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản mà ông H đã đập phá hàng rào của bà số tiền là 70.000.000 đồng và yêu cầu ông H bồi thường tiền thuốc cho bà 3.700.689 đồng nhưng bà C không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ pháp luật.

[7] Bà Trần Kim C kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Trần Kim C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim C.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 212/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 166, 175, 176, 589, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 120,3 m² cho bà C.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Thanh H phải tháo dỡ hàng rào và mái che trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 12,4 m².

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu ông ông Nguyễn Thanh H bồi thường thiệt hại về tài sản là 70.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C về việc yêu cầu ông ông Nguyễn Thanh H bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 3.700.689 đồng.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Trần Kim C.

H2 lại cho bà Trần Kim C 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002651 ngày 02/12/2019 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0012839 ngày 27/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan

